

Bản án số: 13/2024/DS-PT
Ngày 20 - 3 -2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hữu Bình

Ông Đặng Văn Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLPT-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 126/2023/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Huỳnh Văn Mưa B, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Huỳnh Văn Mưa B: Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1972, ngụ ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- **Bị đơn:** Phạm Văn C, sinh 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Văn N, sinh 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông **Phạm Văn N**: Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1966; địa chỉ: **Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh** (có mặt)

Người kháng cáo: Anh **Huỳnh Văn M** Bị là nguyên đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Huỳnh Văn Mura B**, người đại diện của nguyên đơn trình bày nội dung và yêu cầu như sau:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 25, diện tích 4.024m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại **ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh** là của ông **Huỳnh Văn M** Bị nhận chuyển nhượng của bà **Trương Hồng D** vào năm 2012. Quá trình sử dụng thì phía ông **Phạm Văn C** và ông **Phạm Văn N** đã trồng cây dừa lấn sang phần đất của ông chiều ngang 1,5m, dài 51m, diện tích là 76,5m². Nay, ông **Mura B** khởi kiện yêu cầu ông **Phạm Văn C** và ông **Phạm Văn N** phải trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 76,5m² nằm trong diện tích 4.024m², thuộc thửa số 269, tờ bản đồ số 25, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại **ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh** và di dời 07 cây dừa ra khỏi đất.

- Theo bị đơn ông **Phạm Văn C** trình bày: Cha, mẹ ông **C** có để lại cho ông 02 thửa đất thửa số 124, diện tích 150m² và thửa số 125, diện tích 1.570m² cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại **ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh**. Phần đất của ông giáp ranh với phần đất của ông **Trương Văn T**. Trước đây, giữa ông **C** và **T** cũng đã thỏa thuận ranh làm hàng rào sử dụng từ xưa đến nay, trong phần đất của ông **C** có một đường đất đi chung của xóm. Sau này, phần đường đất được làm lộ đāl cũng không xảy ra tranh chấp gì. Trong phần đất của ông **C** có trồng dừa cách nay 18 năm. Sau đó, ông **T** cho con là bà **Trương Hồng D** và bà **D** chuyển nhượng lại cho ông **Huỳnh Văn M** Bị sử dụng cũng không xảy ra tranh chấp. Nay, ông **Mura B** yêu cầu ông giao trả lại phần đất mà ông đã trồng 07 cây dừa, ông không đồng ý.

Tại bản án sơ thẩm số 126/2023/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 100, Điều 179 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Huỳnh Văn Mura B** là yêu cầu ông **Phạm Văn C** và ông **Phạm Văn N** phải trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 76,5m² nằm trong diện tích 4.024m², thuộc thửa 269, tờ bản đồ số 25, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại **ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh** và di dời 07 cây dừa ra khỏi đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/9/2023 ông **Huỳnh Văn M** Bực kháng toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 126/2023/DS-ST, ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo Công văn 523/CNHCT, ngày 17/5/2023 của **Văn phòng Đ chi nhánh huyện C** thể hiện phần diện tích tranh chấp (phần C) đo đạc theo hiện trạng là 91m² (trong đó có 47m² thuộc đường và 44m² thuộc một phần thửa 269, tờ bản đồ 25 theo tài liệu đo đạc năm 2006. So với tài liệu đo đạc năm 1992 thuộc một phần thửa số 125 (của ông **C**). Theo thực tế quá trình sử dụng phần đất tranh chấp trên thì phía bị đơn ông **C** là người sử dụng từ trước đến nay cụ thể có trồng 07 cây dừa 18 năm, phần đất này do cha ông Cuônl để lại cho ông sử dụng ổn định có trụ ranh trước đây không có tranh chấp với chủ đất cũ, nên xét về quá trình sử dụng đất của ông **C** là phù hợp với tài liệu đo đạc năm 1992. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nay ông **Mura B** kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm không là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án “tranh chấp quyền sử dụng đất” nhưng buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự có giá ngạch bằng số tiền 4.827.000 đồng là chưa đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015, sửa án sơ thẩm về án phí, buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bằng 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[01] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn Mura B còn trong hạn luật định. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Thửa 269, diện tích 4.024m², TĐĐ số 25 do ông Huỳnh Văn Mura B nhận chuyển nhượng của bà Trương Hồng D vào năm 2012, giáp ranh thửa 269 là thửa 124, diện tích 150m² và thửa 125, diện tích 1.570m², tờ bản đồ số 1 do ông Phạm Văn C sử dụng (nhận thừa kế từ cha ruột là ông Phạm Văn H năm 2002), trên phần đất tranh chấp ông C có trồng 07 cây dừa từ năm 2005 về trước.

[03] Xét đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn Mura B thấy rằng:

Tại công văn số 523/CNHCT ngày 17/5/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thì phần đất tranh chấp có diện tích thực đo là 91m² (trong đó: 47m² thuộc đường và 44m² thuộc một phần thửa 269, tờ bản đồ số 25) tài liệu đo đạc 2006, được cập nhật, chỉnh lý năm 2018.

Mặc dù, theo công văn trên xác định phần đất tranh chấp 44m² thuộc thửa 269, nhưng phần đất trên nằm một phần thửa 125, theo tư liệu năm 1992, nên án sơ thẩm nhận định tư liệu chỉnh lý 2006 do chưa được các bên xác nhận nên là tài liệu tham khảo là có cơ sở. Mặc khác trên phần đất này, ông C có trồng 07 cây dừa 18 năm, cây dừa có trước khi ông M Bự chuyển nhượng đất của bà D năm 2012; Ông C, ông T, bà D sử dụng ổn định ranh, không tranh chấp cây trồng trên đất, khi bà D chuyển nhượng thửa 269 cho ông Mura B từ năm 2012, hai bên cũng không tranh chấp, nên ông Mura B cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông là không phù hợp với thực tế đang sử dụng, án sơ thẩm xử bác yêu cầu của ông Mura B là có căn cứ.

[03] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn M Bự về phần nội dung và sửa án sơ thẩm về án phí sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

[04] Về án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn Mura B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn Mura B

Sửa bản án sơ thẩm số 126/2023/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành về phần án phí sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Huỳnh Văn Mura B** là yêu cầu ông **Phạm Văn C** và ông **Phạm Văn N** phải trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 76,5m² (thực đo 44m²) nằm trong tổng diện tích 4.024m², thuộc thửa 269, tờ bản đồ số 25, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại **ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh** và di dời 07 cây dừa ra khỏi đất.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông **Huỳnh Văn Mura B** phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông **Mura B** đã nộp bằng 3.825.000 đồng, hoàn trả lại cho ông **Huỳnh Văn M** Bự số tiền bằng 3.525.000 đồng, theo biên lai thu số 0014220 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3. Về án phí phúc thẩm: Buộc ông **Huỳnh Văn Mura B** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông **Mura B** đã nộp bằng 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0018573 ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Văn Long